

**CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU
LẠNG SƠN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch
Bà Vũ Mộng Nương	Thành viên
Ông Đậu Trường Sinh	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Đậu Trường Sinh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Kim Thảo	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN



Đậu Trường Sinh

Tổng Giám đốc

Lạng Sơn, ngày 09 tháng 03 năm 2022

Số: *MO* -22/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày *11* tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên, Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.6 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính, theo đó Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn và Công ty TNHH Thảo Viên (bên liên quan) ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 35/HĐHTKD ngày 31/12/2020 về xây dựng khu Dân cư khối 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn. Thời gian hợp tác là 2 năm kể từ ngày 31/12/2020 đến hết ngày 31/12/2022. Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn được hưởng lợi nhuận là 8%/năm không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án. Tiền đầu tư chuyển từ gốc và lãi cho vay đến ngày 31/12/2021 là 21.156.869.593 đồng mà Công ty TNHH Thảo Viên phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với kết luận và ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính này.



Ngô Bá Duy

Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Phạm Thị Hiền

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2018-034-1



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.893.172.497	14.593.271.663
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	6.492.863.934	7.983.378.893
1 Tiền	111		6.492.863.934	5.883.378.893
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	2.100.000.000
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.909.392.697	2.675.697.528
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	494.259.834	973.721.044
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	390.998.000	470.398.000
3 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	-	52.000.000
4 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	1.026.004.863	1.549.578.484
5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.870.000)	(370.000.000)
IV Hàng tồn kho	140		4.194.833.365	3.896.849.181
1 Hàng tồn kho	141	V.7.	4.233.797.568	3.896.849.181
V Tài sản ngắn hạn khác	150		296.082.501	37.346.061
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.	136.070.726	16.856.061
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.	160.011.775	20.490.000
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.463.442.746	95.359.242.439
I Các khoản phải thu dài hạn	210		21.576.869.593	21.143.143.840
1 Phải thu dài hạn khác	216	V.6.	21.576.869.593	21.143.143.840
II Tài sản cố định	220		6.985.151.637	8.077.989.259
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	6.985.151.637	8.077.989.259
- Nguyên giá	222		25.918.644.885	25.398.291.565
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.933.493.248)	(17.320.302.306)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	-	-
- Nguyên giá	228		97.500.000	97.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97.500.000)	(97.500.000)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		635.490.455	635.490.455
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8.	635.490.455	635.490.455
V Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.4.	-	64.622.821.897
1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	64.622.821.897
VI Tài sản dài hạn khác	260		2.265.931.061	879.796.988
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	2.265.931.061	879.796.988
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		44.356.615.243	109.952.514.102

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C NỢ PHẢI TRẢ	300		1.296.630.060	66.350.778.682
I Nợ ngắn hạn	310		1.246.630.060	1.677.956.785
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	65.344.284	126.256.818
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	-	13.000.000
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	146.818.210	341.091.637
4 Phải trả người lao động	314		-	156.400.000
5 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16.	460.745.453	595.254.544
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	54.972.522	167.184.195
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.	55.000.000	170.000.000
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		463.749.591	108.769.591
II Nợ dài hạn	330		50.000.000	64.672.821.897
1 Phải trả dài hạn khác	337	V.15.	50.000.000	50.000.000
2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.	-	64.622.821.897
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		43.059.985.183	43.601.735.420
I Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	43.059.985.183	43.601.735.420
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.579.000.000	39.579.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.579.000.000	39.579.000.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		3.395.147.734	3.895.147.734
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.837.449	127.587.686
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		127.587.686	(1.730.173.867)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(41.750.237)	1.857.761.553
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		44.356.615.243	109.952.514.102

Lạng Sơn, ngày 09 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SON

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Văn Do



Lê Văn Do



Đậu Trường Sinh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	13.892.821.666	18.321.725.770
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		13.892.821.666	18.321.725.770
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	12.101.092.827	13.155.610.668
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.791.728.839	5.166.115.102
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	1.668.491.769	1.519.106.910
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	2.000.000	2.650.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	1.551.036.744	1.870.503.225
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	1.853.349.629	2.789.148.276
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		53.834.235	2.022.920.511
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	35.000.001	39.267.745
12. Chi phí khác	32	VI.6.	102.705.904	414.073
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(67.705.903)	38.853.672
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(13.871.668)	2.061.774.183
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	27.878.569	112.802.176
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(41.750.237)	1.948.972.007
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	(10,55)	492,43

Lạng Sơn, ngày 09 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Văn Do



Lê Văn Do



Đậu Trường Sinh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		14.727.500.191	20.277.067.117
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(11.397.936.171)	(11.956.089.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.084.332.133)	(2.895.410.696)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(287.374.725)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.345.290.200	15.831.129.151
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.129.513.923)	(19.466.774.330)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(826.366.561)	1.789.922.242
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(520.353.320)	(201.818.182)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(580.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		52.000.000	3.948.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.040.262	1.014.641.154
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(427.313.058)	4.180.822.972
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		55.000.000	170.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(170.000.000)	(185.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(121.835.340)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(236.835.340)	(15.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1.490.514.959)	5.955.745.214
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.983.378.893	2.027.633.679
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	6.492.863.934	7.983.378.893

Lạng Sơn, ngày 09 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Văn Do

Lê Văn Do

Đậu Trường Sinh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn theo Quyết định số 1710/QĐ- UBND-KT ngày 26 tháng 08 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900101456, đăng ký lần đầu ngày 10/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16/12/2019.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 16 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là **39.579.000.000 đồng (Ba mươi chín tỷ, năm trăm bảy mươi chín triệu đồng chẵn)**.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực Nhà hàng, khách sạn; Dịch vụ Du lịch lữ hành; Sản xuất rượu.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý du lịch
- Điều hành tua du lịch
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
- Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi trường lao động, việc làm
- Bán buôn thực phẩm

Trụ sở Công ty tại: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Do ảnh hưởng toàn cầu về sự bùng phát và lây lan của đại dịch do virus corona ("Covid 19") đã và đang tác động đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và lĩnh vực du lịch, khách sạn nói riêng. Vì vậy, trong năm 2021 lượng khách du lịch giảm đáng kể dẫn đến Công ty có sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận trong năm.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, gồm:

Tên	Địa chỉ
Trung tâm điều hành hướng dẫn du lịch	Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Khách sạn Hoa Sim	Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Xí nghiệp Rượu Mẫu Sơn	Số 88 đường Bắc Sơn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Nhà hàng Nam Kai	Số 53 Lương Văn Chi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Khoản đầu tư tài chính dài hạn là khoản Công ty góp vốn với tỷ lệ 15% phần sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng tại Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn, (trước đây là Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn). Nguồn tài trợ 100% cho khoản vốn góp này là khoản vay 4.050.000 USD của Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn. Bên đảm bảo liên đới là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Kể từ khi Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Nếu công ty liên doanh chưa có lãi, làm cho Tocolimex không có khả năng hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi được chia lãi thì Tocolimex sẽ trả. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khoản đầu tư này không chịu bất kỳ rủi ro nào nên không trích lập dự phòng.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn thu hồi của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cho đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự dẫn đến khả năng không thu hồi được nợ đúng hạn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền trong trường hợp là hàng hóa và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**5.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 45
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 08
Tài sản cố định khác	04 - 25

5.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm quản lý

Chương trình phần mềm

Nguyên giá của phần mềm quản lý là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí xây dựng Công trình khách sạn Hoa Sim, được ghi nhận theo giá gốc, phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê địa điểm kinh doanh; được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng thuê mặt bằng, chứng từ nhận tiền, hóa đơn.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán rượu, cung cấp dịch vụ nhà hàng, du lịch.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**14.1 Các nghĩa vụ về thuế****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với hoạt động kinh doanh nhà hàng khách sạn, hướng dẫn du lịch, kinh doanh rượu mẫu sơn.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty áp dụng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt 65% đối với sản phẩm rượu từ 20 độ cồn trở lên.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền	6.492.863.934	5.883.378.893
Tiền mặt	2.243.823.353	4.777.487.333
Tiền gửi ngân hàng	4.249.040.581	1.105.891.560
Các khoản tương đương tiền	-	2.100.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	2.100.000.000
Cộng	6.492.863.934	7.983.378.893

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Sở giáo dục đào tạo tỉnh Lạng Sơn	189.352.000	-	100.830.000	-
Công ty Bảo Hiểm Bru Điện Lạng Sơn	44.800.000	-	-	-
Công ty TNHH Trọng Tín (Nguyễn Quỳnh Nương)	40.039.994	-	40.860.000	-
Các đối tượng khác	220.067.840	(1.870.000)	832.031.044	-
Cộng	494.259.834	(1.870.000)	973.721.044	-

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	390.998.000	470.398.000
Trả trước tiền mua nguyên liệu rượu	390.998.000	442.898.000
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - CN Lạng Sơn	-	27.500.000
Cộng	390.998.000	470.398.000

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SON

Địa chỉ: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021	01/01/2021				
	VND	VND				
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư và đơn vị khác	-	-	-	64.622.821.897	-	64.622.821.897
Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn (*)	-	-	-	64.622.821.897	-	64.622.821.897
Cộng	-	-	-	64.622.821.897	-	64.622.821.897

Khoản đầu tư nêu trên đều không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý có thể sẽ khác với giá trị ghi sổ.

(*) Công ty góp vốn với tỷ lệ 15% phần sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng tại Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn (trước đây là Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn), có địa chỉ tại: Xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Nguồn vốn góp từ khoản vay 4.050.000 USD của Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn. Bên bảo lãnh là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Kể từ khi Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Theo đó, nếu công ty liên doanh chưa có lãi, làm cho Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn không có khả năng hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi được chia lãi thì công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn sẽ trả. Tại thời điểm 31/12/2021, khoản đầu tư của Công ty vào công ty CP Quốc tế Lạng Sơn đã được chia lãi thi công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn sẽ trả. giao nghĩa vụ trả nợ số 22/NQ-HĐQT ngày 30/06/2021, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 30/06/2021 và thỏa thuận bù trừ với khoản vay ngày 30/06/2021 giữa Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn và công ty CP Quốc tế Lạng Sơn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
Ông Lý Hoài Nam	-	-	52.000.000	-
Cộng	-	-	52.000.000	-

6. Phải thu khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Phải thu khác	804.004.863	-	809.578.484	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt nguyên liệu rượu đầu vào	804.004.863	-	809.578.484	-
Tạm ứng	222.000.000	-	740.000.000	(370.000.000)
- Bà Nguyễn Thị Thủy (Khách sạn Hoa Sim)	222.000.000	-	740.000.000	(370.000.000)
b) Dài hạn	21.576.869.593	-	21.143.143.840	-
Phải thu khác	21.156.869.593	-	20.343.143.840	-
Công ty TNHH Thảo Viên (*)	21.156.869.593	-	20.343.143.840	-
Ký cược, ký quỹ	420.000.000	-	800.000.000	-
- Ký quỹ hoạt động du lịch lữ hành	120.000.000	-	500.000.000	-
- Ký quỹ hoạt động kinh doanh dịch vụ việc làm	300.000.000	-	300.000.000	-
Cộng	22.602.874.456	-	22.692.722.324	(370.000.000)

(*) Hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng số 35/HĐHTKD ngày 31/12/2020 giữa Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn và Công ty TNHH Thảo Viên về xây dựng khu Dân cư khối 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn. Thời gian hợp tác là 2 năm kể từ ngày 31/12/2020 đến hết ngày 31/12/2022. Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn được hưởng lợi nhuận là 8%/năm không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án. Tiền đầu tư chuyển từ gốc và lãi cho vay đến ngày 31/12/2021 là 21.156.869.593 đồng mà Công ty TNHH Thảo Viên phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn.

c) Phải thu khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

7. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.532.971.549	-	3.340.138.865	-
Thành phẩm	457.369.028	-	406.612.463	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Hàng hóa	243.456.991	-	150.097.853	-
Cộng	4.233.797.568	-	3.896.849.181	-

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>		
Công trình khách sạn Hoa Sim (*)	635.490.455	635.490.455
Cộng	635.490.455	635.490.455

(*) Do tình hình dịch bệnh Covid 19 trong năm bùng phát trong nước và trên thế giới, lĩnh vực hoạt động SXKD của Công ty chịu ảnh hưởng nặng nề, Công ty chưa triển khai phương án đầu tư tại Khách sạn Hoa Sim. Dự báo trong thời gian tới dịch bệnh tiếp tục có diễn biến phức tạp khó lường, Hội đồng quản trị quyết định tạm dừng triển khai đầu tư xây dựng khách sạn Hoa Sim trong năm 2021 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2021 của Hội đồng quản trị.

9. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Đơn vị tính: VND	
					Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2021	20.892.267.729	2.594.858.826	1.911.165.010		25.398.291.565
Mua trong năm	-	520.353.320	-		520.353.320
Số dư ngày 31/12/2021	20.892.267.729	3.115.212.146	1.911.165.010		25.918.644.885
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2021	14.482.078.930	2.053.434.867	784.788.509		17.320.302.306
Khấu hao trong năm	1.182.072.053	209.057.521	222.061.368		1.613.190.942
Số dư ngày 31/12/2021	15.664.150.983	2.262.492.388	1.006.849.877		18.933.493.248
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2021	6.410.188.799	541.423.959	1.126.376.501		8.077.989.259
Tại ngày 31/12/2021	5.228.116.746	852.719.758	904.315.133		6.985.151.637

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.081.153.074 VND (Tại ngày 31/12/2020 là 5.752.483.801 VND)

10. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2021	97.500.000	97.500.000
Số dư ngày 31/12/2021	97.500.000	97.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2021	97.500.000	97.500.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Số dư ngày 31/12/2021	97.500.000	97.500.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Tại ngày 31/12/2021	-	-
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 97.500.000 VND (Tại thời điểm 31/12/2020 là: 97.500.000 đồng)		

11. Chi phí trả trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	136.070.726	16.856.061
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	136.070.726	16.856.061
<i>b) Dài hạn</i>	2.265.931.061	879.796.988
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2.265.931.061	879.796.988
Cộng	2.402.001.787	896.653.049

12. Phải trả người bán

	31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Hoàng Thị Khánh	27.570.000	27.570.000	63.760.000	63.760.000
Đình Hồng Vân	-	-	3.315.000	3.315.000
Công ty TNHH Thảo Viên	-	-	50.090.909	50.090.909
Công ty TNHH Sản Xuất và Dịch vụ TM Anh	-	-	9.090.909	9.090.909
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hùng Đạt	26.818.182	26.818.182	-	-
Nguyễn Bá Phúc	10.500.000	10.500.000	-	-
Đối tượng khác	456.102	456.102	-	-
Cộng	65.344.284	65.344.284	126.256.818	126.256.818

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty Zoje	-	4.000.000
Lương Thị Tố Uyên	-	9.000.000
Cộng	-	13.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2021
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	190.881.061	757.140.494	815.188.445	132.833.110
Thuế tiêu thụ đặc biệt	32.562.847	249.922.253	268.695.633	13.789.467
Thuế thu nhập doanh nghiệp	112.802.176	27.878.569	140.680.745	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.845.553	2.912.135	7.562.055	195.633
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	341.342.171	341.342.171	-
Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.634.303	2.634.303	-
Cộng	341.091.637	1.388.829.925	1.583.103.352	146.818.210
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	146.693.980	146.693.980
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	20.490.000	7.172.205	-	13.317.795
Cộng	20.490.000	7.172.205	146.693.980	160.011.775

15. Phải trả khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	54.972.522	167.184.195
Bảo hiểm xã hội	9.104.342	1.480.675
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	45.868.180	165.703.520
<i>Bà Nguyễn Tiêu Mai</i>	-	113.287.500
<i>Các đối tượng khác</i>	45.868.180	52.416.020
b) Dài hạn	50.000.000	50.000.000
Nhận ký quỹ ký cược	50.000.000	50.000.000
<i>Nguyễn Thị Nga - Ký quỹ thuê địa điểm kinh doanh</i>	50.000.000	50.000.000
Cộng	104.972.522	217.184.195

16. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê địa điểm kinh doanh	460.745.453	595.254.544
Cộng	460.745.453	595.254.544

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2021 VND	Trong năm VND	01/01/2021 VND
	Giá trị	Tăng	Giảm
			Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	55.000.000	55.000.000	170.000.000
Lê Như Quỳnh (1)	55.000.000	55.000.000	170.000.000
b) Dài hạn	-	-	64.622.821.897
Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn (2)	-	-	64.622.821.897
Cộng	55.000.000	55.000.000	64.792.821.897

(1) Các hợp đồng vay cá nhân bằng tiền mặt tại nhà hàng Nam Kai - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn với tổng số tiền 55.000.000 VND thời hạn vay 1 năm, lãi suất 0%.

(2) Vay góp vốn vào Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn (nay là Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn) với giá trị 4.050.000 USD. Bên vay là Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn ("Tocolimex"), bên bảo lãnh là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Khoản tiền vay này được chuyển vào tài khoản chuyên dùng của Ban điều bù giải phóng mặt bằng TP Lạng Sơn phục vụ mục đích đền bù giải phóng mặt bằng khu đất của dự án liên doanh mà hai bên tham gia. Hoàn trả khoản vay: Kể từ khi Công ty Liên doanh quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Nếu công ty liên doanh chưa có lãi làm cho Tocolimex không có khả năng hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi được chia lãi thì Tocolimex sẽ trả. Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty đã thanh lý khoản đầu tư vào Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn bằng việc cân trừ với khoản vay này theo Nghị quyết chuyển nhượng cổ phần và chuyển giao nghĩa vụ trả nợ số 22/NQ-HĐQT ngày 30/06/2021, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 30/06/2021 và thỏa thuận bù trừ ngày 30/06/2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***18. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2020	39.579.000.000	(91.210.454)	(1.730.173.867)	37.757.615.679
Lãi trong năm trước	-	-	1.948.972.007	1.948.972.007
Tăng khác	-	91.210.454	-	91.210.454
Giảm khác	-	-	(91.210.454)	(91.210.454)
Số dư tại ngày 31/12/2020	39.579.000.000	-	127.587.686	39.706.587.686
Lãi trong năm nay	-	-	(41.750.237)	(41.750.237)
Số dư tại ngày 31/12/2021	39.579.000.000	-	85.837.449	39.664.837.449

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH Thảo Viên	7.843.010.000	7.843.010.000
Vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài	8.237.600.000	8.237.600.000
Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn	537.600.000	537.600.000
Công ty TNHH Vui chơi giải trí và Du lịch Thái Dương	200.000.000	200.000.000
Bà Nguyễn Tiểu Mai (nhận thừa kế từ ông Nguyễn Chính Nghĩa quốc tịch Đài Loan)	7.500.000.000	7.500.000.000
Các cổ đông khác	23.498.390.000	23.498.390.000
Cộng	39.579.000.000	39.579.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	39.579.000.000	39.579.000.000
Vốn góp đầu năm	39.579.000.000	39.579.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	39.579.000.000	39.579.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.957.900	3.957.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.957.900	3.957.900
- Cổ phiếu phổ thông	3.957.900	3.957.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.957.900	3.957.900
- Cổ phiếu phổ thông	3.957.900	3.957.900
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***e) Các quỹ của công ty**

Khoản mục	01/01/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm (*)	Đơn vị tính: VND
				31/12/2021
Quỹ đầu tư phát triển	3.895.147.734	-	500.000.000	3.395.147.734
Cộng	3.895.147.734	-	500.000.000	3.395.147.734

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

(*) Giảm trong năm do chuyển một phần quỹ đầu tư phát triển sang quỹ khen thưởng phúc lợi theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 24/BB-HĐQT ngày 29/09/2021

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	642.989.732	1.115.138.706
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.249.831.934	17.206.587.064
Cộng	13.892.821.666	18.321.725.770

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn bán hàng	726.620.149	951.635.718
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.374.472.678	12.203.974.950
Cộng	12.101.092.827	13.155.610.668

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	41.040.262	144.043.070
Lãi cho vay vốn	-	1.375.063.840
Tiền thu từ hợp tác kinh doanh	1.627.451.507	-
Cộng	1.668.491.769	1.519.106.910

4. Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi ký quỹ thuê ki ốt kinh doanh	2.000.000	2.650.000
Cộng	2.000.000	2.650.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***5. Thu nhập khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác	35.000.001	39.267.745
Cộng	35.000.001	39.267.745

6. Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí phạt lĩnh vực thuế	2.634.303	-
Chi phí phạt của UBCK	100.000.000	-
Chi phí khác	71.601	414.073
Cộng	102.705.904	414.073

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	1.551.036.744	1.870.503.225
Chi phí nhân viên	-	24.999.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.543.409.836	1.816.052.079
Chi phí bằng tiền khác	7.626.908	29.451.846
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	2.371.349.629	2.789.148.276
Chi phí nhân viên quản lý	1.226.741.472	1.078.382.493
Chi phí đồ dùng văn phòng	54.079.290	22.743.182
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	222.061.368	222.061.368
Thuế, phí và lệ phí	12.605.826	70.938.637
Chi phí dự phòng	1.870.000	370.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	809.841.673	968.717.596
Chi phí bằng tiền khác	44.150.000	56.305.000
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(518.000.000)	-
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(518.000.000)	-
Cộng	3.404.386.373	4.659.651.501

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.292.464.780	7.982.272.312
Chi phí nhân công	3.683.028.381	3.561.767.099
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.613.190.942	1.612.782.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.424.199.870	3.046.360.840
Chi phí khác bằng tiền	1.326.850.521	982.065.001
Cộng	15.339.734.494	17.185.248.154

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.871.668)	2.061.774.183
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	142.504.303	163.800
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-	1.256.208.159
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	128.632.635	805.729.824
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	25.726.527	161.145.965
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, được giảm (*)	7.717.958	48.343.789
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo kết luận thanh tra thuế	9.870.000	
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	27.878.569	112.802.176

(*) Giảm theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 - Quy định chi tiết thi hành nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(41.750.237)	1.948.972.007
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(41.750.237)	1.948.972.007
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.957.900	3.957.900
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(10,55)	492,43

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Cần trừ khoản vay dài hạn của công ty CP Quốc tế Lạng Sơn với vốn góp vào công ty CP Quốc tế Lạng Sơn	64.622.821.897	-
Cộng	64.622.821.897	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***2. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	55.000.000	170.000.000
Cộng	55.000.000	170.000.000

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	170.000.000	185.000.000
Cộng	170.000.000	185.000.000

VIII Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan**Bên liên quan**

Công ty TNHH Thảo Viên

Mối quan hệ

Cổ đông

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<i>Bán hàng</i>		
Công ty TNHH Thảo Viên	151.137.148	195.774.294
Số dư với các bên liên quan	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<i>Phải thu khách hàng</i>		
Công ty TNHH Thảo Viên	-	211.708.868
<i>Phải trả người bán</i>		
Công ty TNHH Thảo Viên	-	50.090.909
<i>Phải thu khác</i>		
Công ty TNHH Thảo Viên	21.156.869.593	20.343.143.840

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Thu nhập và các khoản vay của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lương của Ban Giám đốc và người quản lý	342.310.431	438.165.385
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	96.000.000	60.000.000
Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát	36.300.000	26.400.000
Cộng	474.610.431	524.565.385

Chi tiết thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm 2021 như sau

		Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác			
Họ tên	Chức danh	342.310.431	438.165.385
Đậu Trường Sinh	Tổng giám đốc	186.021.969	231.384.615
Nguyễn Kim Thảo	Phó Tổng giám đốc	156.288.462	206.780.770
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị			
Họ tên	Chức danh	96.000.000	60.000.000
Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	24.000.000
Vũ Mộng Nương	Thành viên HĐQT	30.000.000	18.000.000
Đậu Trường Sinh	Thành viên HĐQT	30.000.000	18.000.000
Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát			
Họ tên	Chức danh	36.300.000	26.400.000
Đỗ Thu Huyền	Trưởng BKS	19.800.000	14.400.000
Bế Thị Thu Hương	Thành viên BKS	16.500.000	12.000.000

3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Các khoản vay	55.000.000	64.792.821.897
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	6.492.863.934	7.983.378.893
Nợ thuần	(6.437.863.934)	56.809.443.004
Vốn chủ sở hữu	43.059.985.183	43.601.735.420

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.492.863.934	7.983.378.893
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.095.264.290	23.296.443.368
Các khoản đầu tư tài chính	-	64.674.821.897
Cộng	29.588.128.224	95.954.644.158
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	55.000.000	64.792.821.897
Phải trả người bán và phải trả khác	170.316.806	343.441.013
Cộng	225.316.806	65.136.262.910

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	120.316.806	50.000.000	170.316.806
Các khoản vay	55.000.000	-	55.000.000
01/01/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	293.441.013	50.000.000	343.441.013
Các khoản vay	170.000.000	64.622.821.897	64.792.821.897

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.492.863.934	-	6.492.863.934
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.518.394.697	21.576.869.593	23.095.264.290
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

01/01/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.983.378.893	-	7.983.378.893
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.153.299.528	21.143.143.840	23.296.443.368
Các khoản đầu tư tài chính	52.000.000	64.622.821.897	64.674.821.897

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ATC.

Lạng Sơn, ngày 09 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN

Người lập biểu



Lê Văn Do

Người lập biểu



Lê Văn Do



Đậu Trường Sinh